BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

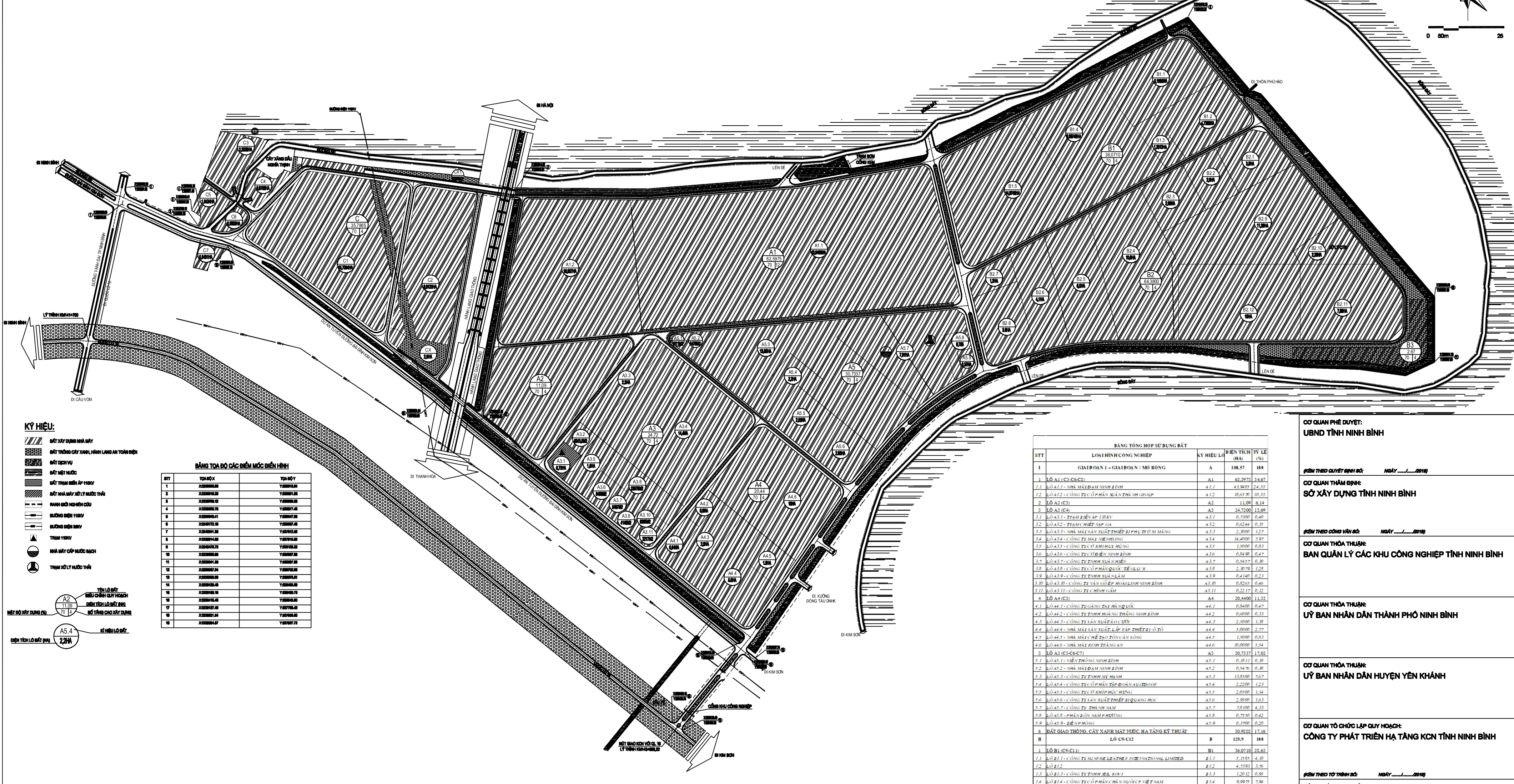

KÝ HIỆU:

- ĐẤT XÂY DỰNG NHÀ MÁY
- ĐẤT TRỒNG CÂY XANH, HÀNH LANG AN TOÀN ĐIỆN
- ĐẤT DỊCH VỤ
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- ĐẤT TRẠM BIẾN ÁP 110KV
- ĐẤT NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU
- ĐƯỜNG ĐIỆN 110KV
- ĐƯỜNG ĐIỆN 35KV
- TRẠM 110KV
- NHÀ MÁY CẤP NƯỚC SẠCH
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A2 / 11,09 / 70 | 4 — TÊN LÔ ĐẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH; DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (HA); SỐ TẦNG CAO XÂY DỰNG; MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)

A5.4 / 2,2HA — KÍ HIỆU LÔ ĐẤT; DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (HA)

BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM MỐC ĐIỂN HÌNH

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
1	[illegible]	[illegible]
2	[illegible]	[illegible]
3	[illegible]	[illegible]
4	[illegible]	[illegible]
5	[illegible]	[illegible]
6	[illegible]	[illegible]
7	[illegible]	[illegible]
8	[illegible]	[illegible]
9	[illegible]	[illegible]
10	[illegible]	[illegible]
11	[illegible]	[illegible]
12	[illegible]	[illegible]
13	[illegible]	[illegible]
14	[illegible]	[illegible]
15	[illegible]	[illegible]
16	[illegible]	[illegible]
17	[illegible]	[illegible]
18	[illegible]	[illegible]
19	[illegible]	[illegible]

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT NHÀ MÁY	282,0916	79,3408
2	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP	0,5431	0,1528
3	ĐẤT GIAO THÔNG	27,5758	7,7559
4	ĐẤT CÂY XANH	34,1335	9,6004
5	ĐẤT MẶT NƯỚC	11,2000	3,1501
	TỔNG	355,5440	100,00

BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI HÌNH CÔNG NGHIỆP	KÝ HIỆU LÔ	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)
I	GIAI ĐOẠN 1 + GIAI ĐOẠN 1 MỞ RỘNG	A	180,57	100
1	LÔ A1 (C3-C6-C8)	A1	62,5975	34,67
1.1	LÔ A1.1 - NHÀ MÁY ĐẠM NINH BÌNH	A1.1	43,9405	24,33
1.2	LÔ A1.2 - CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN THÀNH GROUP	A1.2	18,6570	10,33
2	LÔ A2 (C3)	A2	11,09	6,14
3	LÔ A3 (C4)	A3	24,7200	13,69
3.1	LÔ A3.1 - TRẠM BIẾN ÁP 110KV	A3.1	0,7300	0,40
3.2	LÔ A3.2 - TRẠM CHIẾT NẠP GA	A3.2	0,6244	0,35
3.3	LÔ A3.3 - NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ PHỤ TRỢ XI MĂNG	A3.3	2,3000	1,27
3.4	LÔ A3.4 - CÔNG TY MAY NIENHSING	A3.4	14,4000	7,97
3.5	LÔ A3.5 - CÔNG TY CƠ KHÍ HUY HÙNG	A3.5	1,5000	0,83
3.6	LÔ A3.6 - CÔNG TY CƠ ĐIỆN NINH BÌNH	A3.6	0,8498	0,47
3.7	LÔ A3.7 - CÔNG TY TNHH XUÂN HIỀN	A3.7	0,5457	0,30
3.8	LÔ A3.8 - CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GLUCK	A3.8	2,3079	1,28
3.9	LÔ A3.9 - CÔNG TY TNHH XUÂN LÂM	A3.9	0,4140	0,23
3.10	LÔ A3.10 - CÔNG TY VÁN GỖ ÉP HOÀI LINH NINH BÌNH	A3.10	0,8265	0,46
3.11	LÔ A3.11 - CÔNG TY CHÍNH GẤM	A3.11	0,2217	0,12
4	LÔ A4 (C5)	A4	20,4400	11,32
4.1	LÔ A4.1 - CÔNG TY GĂNG TAY HÀN QUỐC	A4.1	0,8400	0,47
4.2	LÔ A4.2 - CÔNG TY TNHH HOÀNG THẮNG NINH BÌNH	A4.2	0,6000	0,33
4.3	LÔ A4.3 - CÔNG TY SẢN XUẤT ÁO CƯỚI	A4.3	2,5000	1,38
4.4	LÔ A4.4 - NHÀ MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP THIẾT BỊ Ô TÔ	A4.4	5,0000	2,77
4.5	LÔ A4.5 - NHÀ MÁY CHẾ TẠO TÔN CÁN SÓNG	A4.5	1,5000	0,83
4.6	LÔ A4.6 - NHÀ MÁY KÍNH TRÀNG AN	A4.6	10,0000	5,54
5	LÔ A5 (C3-C6-C7)	A5	30,7337	17,02
5.1	LÔ A5.1 - VIỄN THÔNG NINH BÌNH	A5.1	0,1811	0,10
5.2	LÔ A5.2 - NHÀ MÁY ĐẠM NINH BÌNH	A5.2	0,5476	0,30
5.3	LÔ A5.3 - CÔNG TY TNHH MỸ HẠNH	A5.3	13,8500	7,67
5.4	LÔ A5.4 - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AUSTDOOR	A5.4	2,2200	1,23
5.5	LÔ A5.5 - CÔNG TY CƠ KHÍ PHÚC HƯNG	A5.5	2,0500	1,14
5.6	LÔ A5.6 - CÔNG TY SẢN XUẤT THIẾT BỊ QUANG HỌC	A5.6	2,9500	1,63
5.7	LÔ A5.7 - CÔNG TY THÀNH NAM	A5.7	7,8100	4,33
5.8	LÔ A5.8 - PHÂN BÓN NAM PHƯƠNG	A5.8	0,7550	0,42
5.9	LÔ A5.9 - BIỂN PHÒNG	A5.9	0,3700	0,20
6	ĐẤT GIAO THÔNG, CÂY XANH MẶT NƯỚC, HẠ TẦNG KỸ THUẬT		30,9888	17,16
II	LÔ C9-C12	B	125,9	100
1	LÔ B1 (C9-C11)	B1	36,0710	28,65
1.1	LÔ B1.1 - CÔNG TY SUNRISE LEATHER INTERNATIONAL LIMITED	B1.1	5,1585	4,10
1.2	LÔ B1.2	B1.2	4,7393	3,76
1.3	LÔ B1.3 - CÔNG TY TNHH JEIL KOVI	B1.3	1,2012	0,95
1.4	LÔ B1.4 - CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI CP VIỆT NAM	B1.4	9,9975	7,94
1.5	LÔ B1.5 - NHÀ MÁY SIMONA LEATHER	B1.5	14,9745	11,90
2	LÔ B2 (C10-C12)	B2	64,3800	51,14
2.1	LÔ B2.1 - CÔNG TY CHIA CHEN	B2.1	3,0000	2,38
2.2	LÔ B2.2 - CÔNG TY VẬT LIỆU TỪ ĐÔNG DƯƠNG	B2.2	2,0000	1,59
2.3	LÔ B2.3 - CƠ KHÍ NAM THÀNH	B2.3	2,6800	2,13
2.4	LÔ B2.4 - CÔNG TY PHÂN BÓN HỮU CƠ NINH BÌNH	B2.4	10,0000	7,94
2.5	LÔ B2.5 - NHÀ MÁY ĐÚC THÉP CÔNG NGHỆ CAO NINH BÌNH	B2.5	6,0000	4,77
2.6	LÔ B2.6 - NHÀ MÁY SẢN XUẤT CẤU KIỆN THÉP CÔNG NGHỆ CAO NINH BÌNH	B2.6	4,1000	3,26
2.7	LÔ B2.7	B2.7	1,2000	0,95
2.8	LÔ B2.8	B2.8	3,9000	3,10
2.9	LÔ B2.9 - NHÀ MÁY PHÂN BÓN NPK BÌNH ĐIỀN	B2.9	11,3600	9,02
2.10	LÔ B2.10 - NHÀ MÁY OXIT KẼM PHÚC HƯNG	B2.10	2,2600	1,80
2.11	LÔ B2.11 - NHÀ MÁY CHAN XIN	B2.11	7,8800	6,26
2.12	LÔ B2.12 - NHÀ MÁY ẮC QUY LONG SƠN	B2.12	10,0000	7,94
3	LÔ B3	B3	2,6700	2,12
4	ĐẤT GIAO THÔNG, CÂY XANH MẶT NƯỚC, HẠ TẦNG KỸ THUẬT		22,7666	18,08
III	CẢNG KHÔ ICD	CK-ICD	49,0865	100
1	LÔ C3 (C1)	C3	2,3028	4,69
2	LÔ C5 (C1')	C5	1,0424	2,12
3	LÔ C6 (C1'')	C6	0,5533	1,13
4	LÔ C4 (C1''')	C4	0,9703	1,98
5	LÔ C1 (C2)	C1	15,7084	32,00
6	LÔ C2 (C3)	C2	8,8123	17,95
7	LÔ C7 (ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN KCN)	C7	0,5431	1,11
8	LÔ CX1(KHU CÂY XANH)	CX1	0,6303	1,28
9	LÔ CX (KHU CÂY XANH)	CX	2,8	5,70
10	ĐẤT GIAO THÔNG, CÂY XANH MẶT NƯỚC, HẠ TẦNG KỸ THUẬT		15,7236	32,03

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
UBND TỈNH NINH BÌNH
(KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀY ....../....../2018)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG TỈNH NINH BÌNH
(KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ: NGÀY ....../....../2018)

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN TỈNH NINH BÌNH
(KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY ....../....../2018)

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG
KHU CÔNG NGHIỆP KHÁNH PHÚ
XÃ KHÁNH PHÚ - HUYỆN YÊN KHÁNH - TỈNH NINH BÌNH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-02	GHÉP: +A0	TỶ LỆ: 1/2.000	NGÀY: 20'
THỂ HIỆN	KS. VŨ ĐỨC ĐIỀN		
THIẾT KẾ	KS. VŨ ĐỨC ĐIỀN		
QL KỸ THUẬT	THS.KS. BÙI GIA DŨNG		
GĐ/CHỦ TRÌ	THS.KS. BÙI GIA DŨNG		
CHỦ NHIỆM	THS.KTS. NGUYỄN TRUNG DŨNG		

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
THS.KTS. NGUYỄN TRUNG DŨNG

SỞ XÂY DỰNG NINH BÌNH
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
Địa chỉ: Số 14, đường Tràng An, p. Đông Thành, tp. Ninh Bình, tỉnh N
Tel: 0229.3875105 * Email: vienquyhoachxdnb@gmail.com